| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – LÀO CAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 25/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 13-3-2026
*V/v: Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Ngọc Đức và ông Lương Kiều Vũ

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai*** *tham gia phiên tòa*: Không

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mông Thị Đ, sinh năm 1975; CCCD: 015175000690

Bị đơn: Ông Nông Văn T, sinh năm 1977; CCCD: 015077010332

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai

(Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T, có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn bà Mông Thị Đ trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Nông Văn T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai) vào ngày 09-11-2005. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, thường

xuyên uống rượu về gây sự vô cớ, đánh đập bà. Mặc dù, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2010, bà đã đưa các con đến nơi khác sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nông Văn T

-Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nông Thị H, sinh năm 1995; Nông Thị H1, sinh năm 1999 và Nông Trọng H2, sinh năm 2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Toà án đã tiến hành báo gọi ông Nông Văn T đến Toà án để hoà giải, tại phiên hoà giải, ông T có mặt và có ý kiến như sau:Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Mông Thị Đ tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai) vào ngày 09-11-2005. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà Đ bỏ đi làm ăn từ năm 2010, không ở nhà, không quan tâm đến ông và từ đó cũng không trở về nhà nữa. Đến nay, ông xác định tình cảm đã hết, bà Đ xin ly hôn, ông đồng ý;Về nuôi con chung:Vợ chồng có 03 con chung là Nông Thị H, sinh năm 1995; Nông Thị H1, sinh năm 1999, Nông Trọng H2, sinh năm 2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về chia tài sản, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông T tự ý bỏ về và không ký biên bản.

Tại phiên toà ông T có mặt và có quan điểm: Nhất trí ly hôn với bà Mông Thị Đ; Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Ông Nông Văn T có nơi cư trú tại thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Nguyên đơn - Bà Mông Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mông Thị Đ và ông Nông Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai) vào ngày 09-11-2005 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, các bên đều xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà Đ cho rằng nguyên nhân do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập bà; mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2010 nên bà đã đưa các con đi nơi khác sinh sống và hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Ông T thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, cho rằng do bất đồng quan điểm sống, xác nhận bà Đ rời khỏi nhà từ năm 2010 và từ đó không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy, các bên đã ly thân từ năm 2010 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho bà Mông Thị Đ được ly hôn ông Nông Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Bà Mông Thị Đ và ông Nông Văn T có ba con chung là Nông Thị H, sinh năm 1995; Nông Thị H1, sinh năm 1999 và Nông Trọng H2, sinh năm 2004. Hiện đã trưởng thành và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Bà Mông Thị Đ và ông Nông Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Mông Thị Đ phải chịu án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Mông Thị Đ được ly hôn ông Nông Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Mông Thị Đ và ông Nông Văn T chấm dứt, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về án phí:** Bà Mông Thị Đ phải chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã

nộp tại biên lai số: 0002366 ngày 23-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh L (bà Đ đã nộp đủ án phí).

Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bà Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 2- Lào Cai;
- UBND xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Nga**